

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Quản lý Tài nguyên và Môi trường**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quản lý Tài nguyên và Môi trường**

(Natural Resources and Environmental Management)

Mã số: **7850101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQB ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường có phẩm chất đạo đức tốt và nền tảng kiến thức chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển xã hội và hội nhập quốc tế.

Cử nhân tốt nghiệp ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường có khả năng phân tích, đánh giá, chuyển giao công nghệ và ứng dụng các giải pháp nhằm phòng ngừa, xử lý ô nhiễm, thiết kế các công cụ quản lý và sử dụng hợp lý các dạng tài nguyên, môi trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Quản lý Tài nguyên Môi trường:

PO1- Hiểu biết các vấn đề thực tiễn ở Việt Nam và thế giới liên quan đến lĩnh vực Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về môi trường trong thực tiễn và đời sống.

PO2- Áp dụng các phương pháp và công cụ trong quản lý các dạng tài nguyên và môi trường, quản lý các dự án về môi trường, đánh giá tác động môi trường của các dự án, xây dựng hệ thống quản lý môi trường. Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

PO3- Đề xuất và triển khai các giải pháp cho các vấn đề về tài nguyên và môi trường mang tính toàn cầu mà nhân loại đang phải đối mặt như: Biến đổi khí hậu, An ninh năng lượng, Suy giảm đa dạng sinh học.

PO4- Phân tích, tổng hợp kiến thức, thực hiện xây dựng các giả thuyết khoa học, xây dựng đề cương nghiên cứu, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo khoa học, ứng dụng

kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Có khả năng học tập nâng cao lên trình độ Thạc sỹ và Tiến sỹ.

1.2.2. Kỹ năng

PO5- Nhận diện, diễn đạt và giải quyết các vấn đề kỹ thuật chuyên sâu trong thực tế có liên quan đến quản lý tài nguyên và môi trường trong điều kiện thực tế tại Việt Nam và thế giới;

PO6- Tham gia trong các nhóm liên ngành thông qua các hoạt động thực nghiệm, thiết kế, thực hiện các dự án khoa học và kỹ thuật;

PO7- Thực hành, vận hành tốt các công cụ, thiết bị thí nghiệm về quản lý tài nguyên và môi trường, đáp ứng tốt yêu cầu nghề nghiệp có liên quan;

PO8- Có kỹ năng tự nghiên cứu, làm việc độc lập, thích ứng với sự thay đổi về yêu cầu công việc;

PO9 -Kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, làm việc nhóm và hoạt động cộng đồng, truyền thông bảo vệ môi trường;

PO10 - Thu thập và phân tích thông tin trong lĩnh vực quản lý tài nguyên môi trường;

PO11- Sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ phục vụ tốt cho công việc chuyên môn và quản lý.

1.2.3. Thái độ

PO12- Có phẩm chất chính trị và lối sống lành mạnh, đạo đức tốt, trung thực, tinh thần lạc quan, tích cực, yêu nghề, yêu thiên nhiên.

PO13- Có thái độ tôn trọng đồng nghiệp, có ý thức học hỏi, cầu tiến, đoàn kết, hợp tác trong công việc và cuộc sống.

PO14- Có trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, chủ động trong công tác.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Yêu cầu năng lực

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
2.1. Về kiến thức	
PLO1	Hiểu và áp dụng tốt các kiến thức cơ bản về vật lý, hóa học, tin học làm cơ sở cho ngành Quản lý tài nguyên và môi trường.
PLO2	Hiểu biết về luật về tài nguyên và môi trường, tiêu chuẩn môi trường tại Việt Nam và trên thế giới, có khả năng tư vấn về luật tài nguyên và môi trường.
PLO3	Nhận biết và xác định được tình trạng ô nhiễm môi trường, thực hiện đánh giá các chỉ tiêu môi trường; đồng thời vận dụng được các phương pháp và công cụ quản lý dự án môi trường tiên tiến để xử lý, kiểm soát ô

	nhiệm và phòng ngừa ô nhiễm
PLO4	Quản lý, theo dõi, và giám sát chất lượng môi trường ở các cơ sở sản xuất dịch vụ, các khu công nghiệp, các địa phương.
PLO5	Lập kế hoạch và quản lý các dự án về môi trường và tài nguyên. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường, đánh giá rủi ro các tác động môi trường của các dự án phát triển.
PLO6	Vận dụng các kiến thức để tiến hành thực tập, thực tế trong lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường và thực hiện khóa luận tốt nghiệp nhằm làm quen với thực tiễn môi trường công việc, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.
2.2. Về kỹ năng	
PLO7	Sử dụng được các thiết bị và công nghệ hiện đại cần thiết cho công tác quản lý môi trường và tài nguyên.
PLO8	Có kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian và lập kế hoạch công việc, kỹ năng thuyết trình, viết và trình bày báo cáo. Hình thành nhóm làm việc hiệu quả, có khả năng vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm.
2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO9	Có trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật. Có ý thức tuyên truyền vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường thiên nhiên.
PLO10	Có lối sống lành mạnh, đạo đức tốt, trung thực, tôn trọng người khác, cởi mở, thiện chí trong giải quyết mâu thuẫn, đoàn kết và hợp tác.

2.2. Trình độ Ngoại ngữ

Theo quy định của Trường Đại học Quảng Bình.

2.3. Trình độ Tin học

Theo quy định của Trường Đại học Quảng Bình.

2.4. Sự tương thích của chuẩn đầu ra với sứ mạng, tầm nhìn của trường, khoa và mục tiêu đào tạo của chương trình

Vị trí vị c là m	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO10
1	M	H	H	M	M	H	M	H	H	H
2	M	H	H	M	M	H	M	H	H	H
3	H	H	H	H	M	H	M	H	H	H
4	H	H	H	H	M	H	H	H	H	H
5	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
6	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H
7	M	M	M	M	H	H	M	H	H	H

Ghi chú: H: Mức độ cao; M: Mức độ trung bình; L: mức độ thấp

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 129 tín chỉ (chưa kể giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất)

6. Đối tượng và phương thức tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Quảng Bình.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định tại Văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định số 2516/QĐ-ĐHQB ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng trường đại học Quảng Bình ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

8. Chiến lược và phương pháp dạy học

8.1. Các phương pháp dạy học

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

8.1.1. Giải thích cụ thể

8.1.2. Thuyết giảng

8.1.3. Tham luận

8.1.4. Câu hỏi gợi mở

8.1.5. Giải quyết vấn đề

8.1.6. Học theo tình huống

8.1.7. Mô hình

8.1.8. Thực tập, thực tế

8.1.9. Thí nghiệm

8.1.10. Nhóm nghiên cứu giảng dạy

8.1.11. Tranh luận

8.1.12. Thảo luận

8.1.13. Học nhóm

8.1.14. Bài tập ở nhà

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng CTĐT, có thể cắt bỏ hoặc bổ sung các phương pháp dạy học phù hợp.

8.2. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học

Phương pháp dạy – học		PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1	Giải thích cụ thể	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Tham luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Học theo tình huống	X	X	X	X	X	X	X	X		
7	Mô hình	X	X	X	X	X	X	X	X		
8	Thực tập, thực tế	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9	Thí nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X		
10	Nhóm nghiên cứu giảng dạy	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
11	Tranh luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
12	Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
13	Học nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
14	Bài tập ở nhà	X	X	X	X	X	X	X	X		

Ghi chú: đánh dấu X các ô tương ứng.

9. Chiến lược và phương pháp đánh giá

5	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x		
6	Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x		
7	Báo cáo	x	x	x	x	x	x	x	x		
8	Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x		
9	Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: đánh dấu X các ô tương ứng.

9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, Viện Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

9.4. Thang điểm

Thực hiện theo Quy định tại Văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định số .../QĐ-ĐHQB ngày ... tháng ... năm 2021 của Hiệu trưởng trường đại học Quảng Bình ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm đánh giá kết quả học phần được quy đổi sang thang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt

A (8,5 – 10): Giỏi

B (7,0 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,9): Trung bình

D (4,0 – 5,4): Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I - Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X - Chưa nhận được kết quả thi.

Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

10. Mô tả chương trình dạy học

10.2. Môi quan hệ giữa nội dung các học phần với chuẩn đầu ra

TT	Các học phần	Chuẩn đầu ra									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	M	L	M	M	M	M	M	M	H	H
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M	L	L	L	M	M	L	M	H	H
3.	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	M	M	L	L	L	M	L	M	H	H
4.	Pháp luật đại cương	M	H	H	M	M	M	M	M	H	H
5.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	M	M	H	M	M	H	M	M	M	M
6.	Tin học	H	M	M	M	M	M	H	H	M	M
7.	Vật lý đại cương và thực hành vật lý đại cương	H	L	M	M	M	M	H	M	M	M
8.	Hóa học đại cương và thực hành hóa học đại cương	H	L	M	M	M	M	H	M	M	M
9.	Xác suất thống kê	M	M	M	M	H	M	M	M	M	M
10.	Động vật học	H	M	M	M	M	M	M	M	H	M
11.	Thực vật học	H	M	M	M	M	M	M	M	H	M
12.	Khí tượng, khí hậu và thủy văn học	H	M	M	H	M	M	M	M	H	M
13.	Bản đồ học đại cương	M	M	M	M	M	M	H	M	M	M
14.	Cơ sở khoa học môi trường	H	H	M	M	H	M	M	M	H	M

TT	Các học phần	Chuẩn đầu ra									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
15.	Hóa môi trường	H	H	M	M	H	M	M	M	H	M
16.	GIS và viễn thám đại cương	H	M	M	M	M	H	H	M	M	M
17.	Sinh thái học	H	M	M	M	M	M	M	M	H	M
18.	Thổ nhưỡng và địa sinh vật	H	M	M	M	M	M	M	M	H	M
19.	Tin học ứng dụng	M	L	L	M	M	H	H	H	L	M
20.	Tai biến thiên nhiên	M	M	H	M	M	M	M	M	H	M
21.	Sử dụng hợp lý tài nguyên biển	M	M	H	M	M	M	M	M	H	M
22.	Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	M	H	H	M	M	H	H	M	M	M
23.	Kiểm soát ô nhiễm không khí	M	H	H	H	H	H	M	M	M	M
24.	Đánh giá tác động môi trường	M	H	H	H	H	H	H	M	M	M
25.	Tài nguyên khoáng sản	M	H	H	H	M	M	H	M	M	M
26.	Sinh vật chỉ thị môi trường	M	M	H	M	M	M	M	M	H	M
27.	Vi sinh môi trường và thực hành	M	M	M	H	M	H	H	M	M	M
28.	Công nghệ xử lý nước cấp và nước thải	M	H	H	H	M	H	H	M	M	H
29.	Luật và chính sách quản lý tài nguyên môi trường	L	H	H	H	H	H	L	M	H	H
30.	Tiếng Anh chuyên ngành	M	L	L	M	M	H	L	H	L	L
31.	Kỹ năng mềm	L	M	M	M	M	H	M	H	H	H
32.	Hệ thống quản lý ISO	M	M	H	H	H	H	M	M	M	M
33.	Quản lý chất thải rắn	M	H	H	H	H	H	M	M	M	M

TT	Các học phần	Chuẩn đầu ra									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
52.	Khóa luận tốt nghiệp	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
53.	Quản lý dự án Tài nguyên và Môi trường	M	H	M	H	H	H	H	M	H	M
54.	Công nghệ xanh và năng lượng sạch	M	H	M	M	H	H	H	M	H	H
55.	Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững	M	H	H	H	H	M	M	M	H	H

Ghi chú: H: Mức độ cao; M: Mức độ trung bình; L: mức độ thấp

10.3 Dự kiến kế hoạch giảng dạy

TT	Tên học phần	Số TC
<i>Giáo dục quốc phòng-An ninh (giảng dạy tập trung theo đợt)</i>		
Học kỳ I (Không kể Giáo dục thể chất)		16
1	Thực vật học	2
2	Pháp luật đại cương	2
3	Xác suất thống kê	2
4	Vật lý đại cương và thực hành vật lý đại cương	3
5	Tin học	2
6	Hóa học đại cương và thực hành hóa học đại cương	3
7	Động vật học	2
8	<i>Giáo dục thể chất 1</i>	<i>1 TC</i>
9	<i>Ngoại ngữ cơ bản</i>	
Học kỳ II (Không kể Giáo dục thể chất)		17
1	Khí tượng, khí hậu và thủy văn học	3
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
3	Sinh thái học	2
4	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2
5	Tin học ứng dụng	2
6	Bản đồ học	3
7	Sinh vật chỉ thị môi trường	2
8	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	<i>1 TC</i>
9	<i>Ngoại ngữ cơ bản</i>	
Học kỳ III (Không kể Giáo dục thể chất)		17
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3
2	Cơ sở khoa học môi trường	3
3	Thổ nhưỡng và địa sinh vật	2
4	Hóa môi trường	2
5	Kiểm soát ô nhiễm không khí	2
6	GIS và viễn thám đại cương	3
7	Kỹ năng mềm	2
8	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	<i>1 TC</i>
9	<i>Ngoại ngữ cơ bản</i>	
Học kỳ IV (không kể Giáo dục thể chất)		17
1	Tài nguyên khoáng sản	2

2	Công nghệ xử lý nước cấp và nước thải	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Luật và chính sách quản lý tài nguyên môi trường	2
5	An toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp	2
6	Vi sinh môi trường và thực hành	3
7	Thực tập nghề nghiệp 1	3
8	<i>Giáo dục thể chất 4</i>	<i>1 TC</i>
Học kỳ V (không kể Giáo dục thể chất)		16
1	Tai biến thiên nhiên	3
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
3	Đo đạc địa chính	3
4	Thực tập đo đạc địa chính	2
5	Quy hoạch sử dụng và quản lý đất đai	3
6	Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	2
Học kỳ VI		16
1	Hệ thống quản lý ISO	2
2	Sử dụng hợp lý tài nguyên biển	2
3	Quản lý chất thải rắn	3
4	Thực tập nghề nghiệp 2	4
5	Đánh giá tác động môi trường	3
6	Độc học môi trường	2
Học kỳ VII		17
1	Các học phần tự chọn (12/20 tín chỉ)	12
2	Tiếng Anh chuyên ngành	3
3	Quan trắc môi trường	2
Học kỳ VIII		13
1	Thực tập tốt nghiệp	6
2	KLTN hoặc các học phần thay thế KLTN	7

11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
1	Trần Lý Tường	1980	Tiến sỹ Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đo đạc địa chính và thực hành
				Xử lý số liệu đo đạc
				Thực tập nghề 1, 2
				Công nghệ xử lý nước cấp và nước thải
				Phương pháp nghiên cứu khoa học
2	Đinh Thị Thanh Trà	1983	Tiến sỹ Bảo vệ Môi trường Nông nghiệp	Thực vật học
				Sinh vật chỉ thị môi trường
				Hệ thống quản lý ISO
				Công nghệ xanh và năng lượng sạch
				Kỹ năng mềm
3	Nguyễn Thị Hương Bình	1982	Thạc sỹ Công nghệ sinh học	Vi sinh môi trường và thực hành
				Bảo tồn đa dạng sinh học
4	Lê Thị Thu Phương	1988	Thạc sỹ Động vật học	Quản lý vườn quốc gia và khu bảo tồn
				Động vật học
				Du lịch sinh thái
5	Võ Thị Nho	1988	Thạc sỹ Công nghệ môi trường	Bảo tồn nguồn gen
				Kiểm soát ô nhiễm không khí
				Quan trắc môi trường
				Kinh tế tài nguyên và môi trường
				Quản lý chất thải rắn
6	Nguyễn Hữu Duy Viễn	1988	Thạc sỹ Thông tin Địa lý	Thực tập nghề 1, 2
				Cơ sở khoa học môi trường
				Cơ sở viễn thám và GIS
				Ứng dụng GIS trong quản lý môi trường

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
7	Trương Thị Tư		TS. Địa lý	Bản đồ học đại cương
				Khí tượng, khí hậu và thủy văn học
8	Vương Kim Thành	1977	Thạc sĩ Địa lý	Thổ nhưỡng và địa sinh vật
9	Võ Văn Thiệp	1985	Tiến sĩ Động vật học	Bảo tồn đa dạng sinh học
				Quản lý vườn quốc gia và khu bảo tồn
10	Hoàng Anh Vũ	1987	ThS. Khoa học Môi trường	Thực tập nghề 1,2
				Đánh giá tác động môi trường
				Tai biến thiên nhiên
				Độc học môi trường
				An toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp
Quan trắc môi trường				
11	Nguyễn Quang Hùng	1982	ThS. Nuôi trồng thủy sản	Sử dụng hợp lý tài nguyên biển
				Tài nguyên thiên nhiên
12	Trần Thế Hùng	1979	Tiến sĩ Lâm nghiệp	Quản lý rừng bền vững
				Quản lý dự án
				Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững
13	Bùi Thị Thục Anh	1983	Thạc sĩ Nông nghiệp	Tài nguyên thiên nhiên
				Quy hoạch sử dụng và quản lý đất đai
14	Lê Thị Hương Giang	1983	Thạc sĩ Nông nghiệp	Sinh thái học
15	Trần Công Trung	1983	Thạc sĩ kỹ thuật môi trường dân dụng	Quản lý tổng hợp lưu vực sông
				Quản lý tổng hợp đới bờ
				Phương pháp nghiên cứu khoa học
				Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
16	Nguyễn Thị Thanh Hương	1980	ThS. Kinh tế	Kinh tế tài nguyên và môi trường
17	Nguyễn Thị Tuấn Diệp	1982	NCS môi trường	Quy hoạch sử dụng và quản lý tài nguyên đất Tài nguyên khoáng sản
18	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	1987	Thạc sĩ Lâm nghiệp	Quản lý rừng bền vững
19	Trần Thị Yên	1984	Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản	Quản lý tổng hợp đới bờ Quản lý tài nguyên biển
20	Phan Thị Mỹ Hạnh	1983	Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản	Quản lý tài nguyên biển
21	Nguyễn Hoàng Thủy	1980	Thạc sỹ, luật dân sự	Luật và chính sách quản lý tài nguyên môi trường
22	Trần Ngọc		PGS.TS Vật lý	Vật lý đại cương và thực hành
23	Trần Ngọc Bích		Thạc sĩ Vật lý	Vật lý đại cương và thực hành
24	Phạm Thị Thanh Hương	1984	Thạc sỹ, Phương pháp giảng dạy vật lý	Vật lý đại cương và thực hành
25	Phạm Xuân Hậu	1976	Tiến sĩ Công nghệ thông tin	Tin học
26	Đậu Mạnh Hoàn	1973	Tiến sĩ Công nghệ thông tin	Tin học
27	Nguyễn Duy Linh	1984	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Tin học
28	Nguyễn Kế Tam		GVC, Thạc sĩ Toán học	Xác suất thống kê
29	Nguyễn Quang Hòe		GVC, Tiến sĩ Toán học	Xác suất thống kê
30	Nguyễn Thành Chung	1982	PGS.TS Toán học	Xác suất thống kê
31	Nguyễn Thị Minh Lợi	1976	TS Hóa học	Hóa học đại cương và thực hành
32	Lý Thị Thu Hoài	1986	TS Hóa học	Hóa môi trường và thực hành
33	Nguyễn Mậu Thành		Thạc sĩ Hóa học	Hóa môi trường và thực hành
34	Nguyễn Thị Lan Anh		GVC, Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành
35	Nguyễn Mai Hoa		Tiến sĩ Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
36	Lê Thị Hằng		Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành
37	Võ Thị Dung	1974	Tiến sĩ Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành
38	Phạm Thị Hà		Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành
39	Trần Đức Hiền	1961	TS. Triết học	Các môn khoa học Mac Lenin, TT Hồ Chí Minh
40	Nguyễn Đình Lam	1960	ThS.TT HCMinh	Các môn khoa học Mac Lenin, TT Hồ Chí Minh
41	Lương Lan Huệ		ThS Triết học	Các môn khoa học Mac Lenin, TT Hồ Chí Minh
42	Nguyễn Văn Duy	1979	Tiến sĩ Triết học	Các môn khoa học Mac Lenin, TT Hồ Chí Minh
43	Trần Thị Sáu	1975	Tiến sĩ Luật học	Pháp luật đại cương
44	Phùng Thị Loan		Thạc sĩ Luật học	Pháp luật đại cương

12. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

12.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm

Trường Đại học Quảng Bình có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Trường được quy hoạch thành 2 khu vực với diện tích 45 ha. Hiện tại, Nhà trường có 48 phòng học đạt chuẩn trong 4 nhà cao tầng với tổng diện tích là 18.000 m² (không có phòng học cấp 4); có 04 phòng máy tính gồm 150 máy phục vụ giảng dạy và 3 phòng lab, 35 máy phục vụ công tác quản lý nối mạng Internet tốc độ cao; Các thiết bị dạy học như projecter, hệ thống thiết bị nghe nhìn, ấn loát đủ phục vụ cho công tác đào tạo, thông tin tuyên truyền và sinh hoạt văn hóa.

Hệ thống phòng thí nghiệm Môi trường, phòng thí nghiệm nuôi cấy mô hiện đại, phòng thí nghiệm Sinh học, phòng thí nghiệm vật lý, hóa học đều đạt chuẩn, trang thiết bị máy móc hiện đại, hóa chất đầy đủ phục vụ giảng dạy và học tập, nghiên cứu. Có nhà xưởng thực hành cho khối kỹ thuật điện, cơ khí. Có vườn thực hành Nông Lâm Ngư cho khối kỹ thuật nông nghiệp, môi trường.

12.2. Thư viện

Thư viện Trường Đại học Quảng Bình có hơn 80.000 cuốn sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có gần 53.000 sách tham khảo, 27.000 sách giáo trình và hơn 35 tạp chí chuyên ngành.

Cơ sở vật chất của trung tâm gồm:

- Phòng đọc 1 tầng 1: Bao gồm các tài liệu: Báo, tạp chí, tiểu luận, đồ án, khóa luận, báo cáo tốt nghiệp

- Phòng đọc 2 tầng 1: Bao gồm các tài liệu: Tin học, triết học, tôn giáo, khoa học xã hội, ngôn ngữ Tiếng Việt.

- Phòng đọc 4 tầng 1: Phòng đọc ngoại văn: Bao gồm các tài liệu: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật.

- Phòng đọc 3 tầng 2: Bao gồm các tài liệu: Khoa học tự nhiên, Toán, Công nghệ, Khoa học ứng dụng.

- Phòng đọc 3 tầng 3: Bao gồm các tài liệu: Văn học, Lịch sử, Địa lý, Nghệ thuật, Thể dục thể thao.

Ngoài ra, trung tâm còn có các phòng phục vụ hội thảo, hội nghị, học nhóm, đa phương tiện, mạng Internet, phòng lab; Phòng Truyền thống và dịch vụ giải khát....

- Diện tích thư viện: 3160 m² (3 tầng)

- Diện tích phòng đọc: 1.050 m²

- Phòng đọc và mượn tài liệu: 04

- Phòng Lab, phòng máy tính: 02

- Phòng Hội thảo, chuyên đề: 05

- Các phòng tự học, tự nghiên cứu, học nhóm, đa phương tiện, Phòng Truyền thống và các dịch vụ khác.

- Số chỗ ngồi: 370; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 32

- Phần mềm quản lý thư viện: 02

- Thư viện điện tử: 01

Tài liệu nội sinh (DSPACE): 1100 file

Nguồn cơ sở dữ liệu khác: Thư viện số gồm Tài liệu.VN; Proquest: Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

Ngoài ra Thư viện có trang cấp hệ thống máy tính nối mạng tốc độ cao, wifi miễn phí và phủ sóng toàn trường phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

12.3. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
1.	Giáo trình Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	Chính trị quốc gia	2005
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đặng Xuân Kỳ, Vũ Kiều, Song Thành,...	Chính trị quốc gia	2003
3.	Đường lối Cách mạng của	Đình Xuân Lý,	Chính trị quốc	2009

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
	Đảng CSVN: Dừng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng	Nguyễn Đăng Quang, Nguyễn Viết Thông	gia	
4.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Viện lịch sử Đảng	Chính trị quốc gia	2002
5.	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	Nhà xuất bản ĐHQGHN	1996
6.	Bài giảng Pháp luật đại cương	Phan Thị Thu Hiền	Trường Đại học Quảng Bình.	2016
7.	Phương Pháp Luận Nghiên Cứu Khoa Học	Vũ Cao Đàm	NXB Khoa học kỹ thuật	2003
8.	Giáo trình tin học cơ sở	Hồ Sỹ Đoàn	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	2004
9.	Bài giảng Tin học ứng dụng	Nguyễn Văn Chung	Trường Đại học Quảng Bình (Lưu hành nội bộ)	2017
10.	Bài giảng Sinh thái học môi trường	Nguyễn Hải Tiến	Trường ĐH Quảng Bình	2009
11.	Sinh thái môi trường học cơ bản	Lê Huy Bá	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2005
12.	Giáo trình công nghệ xử lý chất thải rắn nguy hại	PGS.TS Trịnh Thị Thanh	NXB Giáo dục Việt Nam	2011
13.	Quản lý chất thải rắn đô thị	TS Cù Huy Đẩu	NXB Xây dựng Hà Nội	2009
14.	Giáo trình quản lý môi trường cơ bản	GS.TSKH Lê Huy Bá	Viện khoa học công nghệ và quản lý môi trường, trường Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh,	2000
15.	Giáo trình Quản lý chất lượng môi trường	PGS.TS Nguyễn Văn Phước,	NXB Xây dựng	2006
16.	Quy trình quan trắc và phân tích chất lượng môi trường	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Thái	NXB Xây dựng	2012
17.	Các phương pháp và thiết bị quan trắc môi trường nước	Lê Quốc Hùng	Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam	2006

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
18.	Phân loại học TV	Hoàng Thị Sản	NXB Giáo dục	2005
19.	Hoá sinh học	Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng	NXB Giáo dục	2007
20.	Sinh lý học thực vật	Vũ Văn Vụ Vũ Thanh Tâm Hoàng Minh Tấn	NXB Giáo dục	2001
21.	Sinh lý học người và động vật	Nguyễn Như Hiền	NXB GD Việt Nam	2011
22.	Di truyền học 1	Phạm Thành Hồ	NXB Giáo dục	2002
23.	Di truyền học 2	Phạm Thành Hồ	NXB Giáo dục	2002
24.	Vi sinh vật học	Nguyễn Lân Dũng	NXB Nông nghiệp	2000
25.	Đa dạng Sinh học	Nguyễn Quang Linh	NXB GD	2000
26.	Quy hoạch môi trường	Vũ Quyết Thắng	NXB KHKT Hà Nội	2003
27.	Giáo trình quy hoạch và phân tích hệ thống tài nguyên nước	GS.TS Hà Văn Khối	NXB Giáo dục	2007
28.	Sinh thái học môi trường	Trần Văn Nhân	NXB ĐH BK Hà Nội	2006
29.	Giáo trình quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên nước	PGS.TS Hoàng Hưng	NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	2005
30.	Giáo trình kinh tế môi trường, PGS.TS Hoàng Xuân Cơ	PGS.TS Hoàng Xuân Cơ	NXB Giáo dục	2005
31.	Giáo trình kinh tế và quản lý môi trường	Nguyễn Thế Chinh	NXB Thống kê	2003
32.	Tài nguyên thiên nhiên	Trần Minh Hợi	KHTN & CN	2013
33.	Khoa học môi trường.	Lê Văn Khoa	Nxb Giáo dục	2001
34.	Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững	Lê Huy Bá, Vũ Chí Hiếu, Võ Đình Long	NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội	2002
35.	Cơ sở khoa học môi trường	Lưu Đức Hải	NXB ĐH QG Hà Nội	2001
36.	Giáo trình khoa học môi trường đại cương	PGS.TS Lê Văn Thăng	Đại học Huế	2007
37.	Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam	Nguyễn Văn Thắng và nnk	Viện khoa học khí tượng thủy văn và môi trường, NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội	2010
38.	Giáo trình địa chất các mỏ	Đỗ Cảnh Dương	NXB Khoa học	2004

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
	than, dầu và khí đốt		và kỹ thuật Hà Nội.	
39.	Giáo trình Hải Dương Học	Nguyễn Văn Lai	Nxb Xây dựng.	2006
40.	Đánh giá tác động môi trường	Nguyễn Đình Mạnh	Nxb Nông nghiệp	2005
41.	Độc học Môi trường và sức khoẻ con người	Trịnh Thị Thanh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội.	2001
42.	Giáo trình Hải Dương Học	Nguyễn Văn Lai	Nxb Xây dựng.	2006
43.	Tai biến môi trường	Nguyễn Cẩm, Nguyễn Đình Hòe	NXB ĐHQG Hà Nội.	2005
44.	Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam	Nguyễn Văn Thắng và nnk	NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội	2010
45.	Đa dạng Sinh học	Nguyễn Quang Linh	NXB GD	2000
46.	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên	Nguyễn Văn Khang	ĐH SP	2007
47.	Sinh thái học môi trường	Trần Văn Nhân	NXB ĐH BK Hà Nội	2006
48.	Công nghệ sinh học	Nguyễn Quang Thạch	NXB Nông nghiệp	2005
49.	Sinh vật chỉ thị môi trường	Lê Văn Khoa	NXB Giáo dục	2012
50.	Động Vật Học Không Xương Sống.	Thái Trần Bái.	NXB Giáo Dục	2006
51.	Động vật học có xương sống,	Lê Vũ Khôi	NXB Giáo Dục	2006